

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN VŨ HIỆP

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TUYÊN HÓA,
TỈNH QUẢNG BÌNH

Chuyên ngành : Kinh tế phát triển
Mã số : 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, Năm 2014

Công trình này được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Thị Như Liêm

Phản biện 1 : PGS.TS. Đào Hữu Hòa

Phản biện 2 : TS. Trần Thị Bích Hạnh

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 02 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại Học Kinh Tế, Đại Học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bất kỳ xã hội nào nông nghiệp cũng là ngành sản xuất vô cùng quan trọng. Bởi đây là ngành cung cấp những sản phẩm lương thực - thực phẩm cho người tiêu dùng và nguyên liệu đầu vào cho công nghiệp chế biến.

Mặt khác, với một nước nông nghiệp như nước ta hiện nay khi mà hơn 70% dân số của chúng ta vẫn còn sống ở khu vực nông thôn và sống dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp thì nông nghiệp càng có vai trò to lớn trong sự phồn vinh, ổn định của xã hội. Sự phát triển của nông nghiệp sẽ góp phần to lớn vào sự phát triển của nền kinh tế. Đời sống của người nông dân có được cải thiện thì mới bảo đảm được cho sự phát triển của cả nước.

Cùng với sự phát triển chung của nông nghiệp cả nước, nông nghiệp huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình đã và đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành một số vùng nông sản hàng hóa tập trung. Tuy nhiên, nhìn chung kinh tế của huyện phát triển chưa bền vững.

Nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, thực hiện thành công sớm chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Phát triển nhanh, bền vững kinh tế nông nghiệp huyện là một vấn đề rất quan trọng và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, để nâng cao giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp cũng như tìm ra hướng đi mới phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn huyện, cùng với những lý do trên và những kiến thức, kinh nghiệm của mình, tôi xin chọn đề tài ***“Phát triển bền vững nông nghiệp trên địa bàn huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình”***

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Phân tích và hệ thống hóa những vấn đề lý luận về phát triển bền vững nông nghiệp.

- Đánh giá đúng thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2009-2012.

- Đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp Tuyên Hóa theo hướng bền vững.

3. Câu hỏi hay giả thuyết nghiên cứu

Đề tài được xây dựng để làm rõ một số vấn đề :

- Thế nào là phát triển nông nghiệp bền vững ?

- Thực trạng về phát triển nông nghiệp huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình đã bền vững hay chưa ? Trên cơ sở nguồn lực của địa phương thì trong thời gian qua việc phát triển nông nghiệp của huyện đã mang lại hiệu quả như thế nào ?

- Với thực trạng đó thì trong thời gian đến cần phát triển nông nghiệp theo hướng nào, lựa chọn mô hình nào ?

- Để phát triển theo kế hoạch đã đề ra thì cần thực hiện cách làm gì để đạt được ?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn lấy đối tượng nghiên cứu là ngành sản xuất nông nghiệp và các yếu tố có liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững ở huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu phát triển nông nghiệp bền vững ở phạm vi một huyện mà cụ thể là huyện Tuyên Hóa dưới góc độ kinh tế phát triển, không đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề những vấn đề có tính vi mô của từng ngành cụ thể.

Phạm vi thời gian: Từ năm 2009 đến 2012.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tiếp cận hệ thống và phương pháp mô hình hóa thống kê để mô tả thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp trong việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp.

6. Tổng quan tài liệu

Chung quanh chủ đề phát triển nông nghiệp bền vững có

những công trình khoa học đề cập ở những khía cạnh khác nhau. Có một số công trình khoa học tiêu biểu như:

- *“Nông nghiệp Việt Nam trong phát triển bền vững”* - NXB Chính trị quốc gia (2004), do TS Nguyễn Từ chủ biên. Đây là cuốn sách với nhiều bài viết có giá trị bàn về vị trí và vai trò của ngành nông nghiệp trong sự phát triển kinh tế bền vững chung của đất nước.

- Đề tài *“Phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam”* - Luận văn Thạc sỹ kinh tế - Vũ Văn Năm. Đây là đề tài đã nêu khái quát về phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam nói chung, chưa đề cập sâu tới các vùng, miền và địa phương cụ thể.

- Đề tài *“Phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp”* - Luận văn Thạc sỹ kinh tế - Đặng Thị Tố Tâm. Đây là công trình nghiên cứu sâu về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, sản xuất hàng hoá.

- *“Phát triển bền vững khu công nghiệp Phú Tài – Bình Định”* – Nguyễn Thị An Hải, luận văn thạc sỹ. Đề tài đã nêu lên được một số nội dung và tiêu chí tiêu biểu của việc phát triển bền vững nói chung. Ngoài ra còn định hướng và cơ cấu, cũng như một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển của khu công nghiệp nơi đây.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm về phát triển bền vững nông nghiệp

a. Phát triển bền vững

b. Phát triển bền vững nông nghiệp

1.1.2. Ý nghĩa của phát triển bền vững nông nghiệp

Nông nghiệp có vai trò kích thích tăng trưởng nền kinh tế thông qua việc cung cấp sản phẩm và nguồn lực từ ngành này cho nền kinh tế như cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, thu ngoại tệ thông qua xuất khẩu nông sản, cung cấp vốn cho các ngành kinh tế khác và tạo điều kiện cho thị trường trong nước phát triển. Do vậy phát triển bền vững nông nghiệp có ý nghĩa rất lớn. Đó là:

- Khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà không làm tổn hại đến hệ sinh thái và môi trường.

- Nó làm cho nội bộ ngành nông nghiệp phát triển cân đối, hài hòa, đảm bảo tốc độ tăng trưởng ổn định.

- Đáp ứng nhu cầu trong nước về lương thực, thực phẩm; đảm bảo an ninh lương thực, hình thành những vùng sản xuất nông sản hàng hóa quy mô tương đối tập trung, cung ứng nông sản cho xuất khẩu.

- Góp phần sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho sản xuất như: đất đai, lao động, vật tư nông nghiệp, nguồn lực khác...

- Cơ sở hạ tầng sản xuất nông nghiệp và nông thôn được tăng cường đáng kể, kể cả các công trình phòng chống thảm họa, thiên tai.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế

a. Nội dung

b. Tiêu chí

1.2.2. Phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội

a. Nội dung

b. Tiêu chí

1.2.3. Phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường

a. Nội dung

b. Tiêu chí

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

1.3.1. Yếu tố thị trường và nguồn vốn

Thị trường các yếu tố đầu vào quyết định chi phí trong sản xuất nông nghiệp và quyết định giá cả hàng hóa nông nghiệp. Thị trường đầu ra đối với các sản phẩm nông nghiệp, yếu tố này quyết định rất lớn đến chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Thị trường là trung tâm của toàn bộ quá trình sản xuất, phân phối và tiêu thụ nông sản, quy mô, cơ cấu và biến động của thị trường chi phối mạnh mẽ đối với người sản xuất, kinh doanh, chi phối quá trình chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp.

Vốn đầu tư cũng là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với phát triển bền vững nông nghiệp. Phải tăng cường cơ chế đầu tư vốn cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Vốn là yếu tố đầu vào trực tiếp sử dụng vào quá trình sản xuất cùng với các yếu tố sản xuất khác (máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, kho tàng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật...) để tạo ra sản phẩm.

Muốn phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững đòi hỏi phải huy động nhiều vốn, từ nhiều nguồn khác nhau. Có như vậy,

mới có điều kiện tiếp cận nhanh với công nghệ, kỹ thuật mới để đầu tư thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi.

1.3.2. Yếu tố khoa học - công nghệ và nhân lực

Chỉ có áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thì mới thúc đẩy và nâng cao trình độ lực lượng sản xuất nhanh chóng, năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp mới ngày càng nâng cao, đa dạng và dồi dào hàng hóa nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững liên quan đến khá nhiều nhân tố; trong đó con người vẫn là nhân tố vô cùng quan trọng và quyết định đến yếu tố bền vững nông nghiệp. Con người sáng tạo ra thế giới và cải tạo thế giới. Yếu tố người lao động và chất lượng lao động luôn là nhân tố chính để làm ra sản phẩm vật chất có ích.

Trí tuệ và năng lực lao động của con người kết tinh trong quá trình sản xuất cần phải liên tục phát triển cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ và các tiến bộ kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất.

Con người tạo ra giống mới, lai tạo được khá nhiều loại cây trồng, vật nuôi đảm bảo hạn chế được các loại dịch bệnh, cho sản lượng và năng suất cao.

Môi trường chính trị - xã hội ổn định, hành lang pháp lý đầy đủ, thị trường cạnh tranh lành mạnh, chính sách quốc gia phù hợp với từng giai đoạn phát triển... sẽ làm cho người lao động an tâm làm việc, chăm chỉ lao động, sẵn sàng cống hiến, đưa ra các sáng kiến cải tiến kỹ thuật... Đó sẽ là động lực mạnh mẽ cho chính sách phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

1.3.3. Yếu tố tổ chức - quản lý và quốc tế

Trình độ tổ chức sản xuất nông nghiệp mang tính chất hỗn hợp, đa dạng và đan xen của nhiều hình thức sở hữu, nhiều khu vực sản xuất và dịch vụ, nhiều thành phần kinh tế cùng bình đẳng, tồn tại và phát triển trong mối quan hệ hiệp tác, liên kết và cạnh tranh phù

hợp với pháp luật của Nhà nước, gồm nhiều loại hình đa dạng như: sở hữu Nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu cá thể tư nhân và sở hữu hỗn hợp.

Trình độ tổ chức và quản lý kinh doanh của các thành phần kinh tế trong nông nghiệp cũng ảnh hưởng rất lớn tới quá trình phát triển bền vững nông nghiệp.

Năng lực thực thi các chính sách: các chính sách nông nghiệp có đi vào cuộc sống của người nông dân hay không tùy thuộc rất nhiều vào tính khả thi của chính sách đó có phù hợp với phát triển nông nghiệp tại mỗi giai đoạn phát triển và thời điểm ban hành cũng như tùy thuộc vào khả năng triển khai thực hiện của các cấp chính quyền, thông qua đội ngũ những người làm công tác tuyên truyền và phổ biến chủ trương, chính sách.

1.4. KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP TẠI MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

1.4.1. Kinh nghiệm của huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

1.4.2. Kinh nghiệm của huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng

Nam

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

HUYỆN TUYÊN HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN TUYÊN HÓA ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

2.1.1. Tổng quan về huyện Tuyên Hóa

a. Vị trí địa lý

b. Điều kiện tự nhiên:

2.1.2. Đặc điểm về kinh tế - thị trường và nguồn vốn

a. Tăng trưởng kinh tế:

Bảng 2.1: Tổng giá trị và tốc độ tăng trưởng kinh tế Huyện Tuyên Hóa giai đoạn 2009 - 2012 (Giá cố định 1994)

DVT: Tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Bình quân
1. Tổng giá trị sản xuất	1901.404	2395.153	2754.824	3029.298	2520.17
<i>Trong đó:</i>					
+ Ngành NN	300.854	356.707	369.183	365.831	348.144
+ Ngành CN-XD	1254.77	1588.349	1819.053	1996.892	1664.766
+ Ngành TM-DV	345.78	450.097	566.588	666.575	507.26
2- Tốc độ tăng trưởng (%)	12.17	12.14	12.72	11.52	12.14

Nguồn: Chi cục Thống kê huyện Tuyên Hóa.

Tổng giá trị sản phẩm nền kinh tế của huyện năm 2012 là 3029.298 tỷ đồng (*giá cố định 1994*); tốc độ tăng trưởng bình quân là 12.14% năm.

Theo số liệu tại bảng 2.1, ta nhận thấy rằng tổng giá trị sản xuất (GTSX) (*tính theo giá cố định 1994*) của huyện đã tăng từ 1901.404 tỷ năm 2009 lên 3029.298 tỷ năm 2012. Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân chung giai đoạn 2009-2012 đạt 12.14%/năm; Trong đó tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009-2010 là 12.14%/năm và giai đoạn 2010-2011 là 12.72%/năm. Hình thành xu thế tăng dần qua các năm.

Bảng 2.2. GTSX từng ngành và tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm

ĐVT: Tỷ đồng, giá cố định 1994

Năm	Tổng GTSX (GO)	GTSX nông, lâm, thủy sản	Giá trị SX công nghiệp	Giá trị SX dịch vụ	% tăng trưởng NN	% tăng trưởng CN	% tăng trưởng DV
2009	189.27	112.52	35.01	41.74			
2010	225.77	126.46	51.81	47.50	11.11	18.26	3.22
2011	290.53	142.06	92.82	55.65	12.34	79.15	17.16
2012	301.15	152.84	101.84	46.47	7.59	9.72	-16.49

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tuyên Hóa)

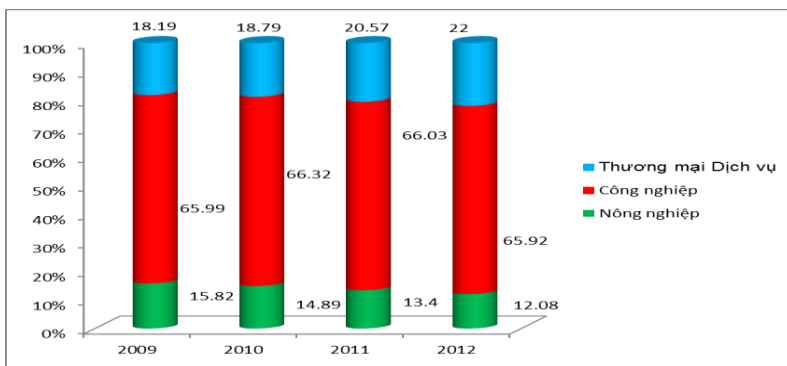
b. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành

Bảng 2.3: Tỷ trọng các ngành kinh tế của huyện Tuyên Hóa trong giai đoạn 2009-2012

Đơn vị tính: (%)

Ngành	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
<i>Nông nghiệp</i>	15.82	14.89	13.40	12.08
<i>Công nghiệp</i>	65.99	66.32	66.03	65.92
<i>Thương mại Dịch vụ</i>	18.19	18.79	20.57	22.00

Nguồn: Chi cục thống kê huyện Tuyên Hóa



Nguồn: Chi cục thống kê huyện Tuyên Hóa

Hình 2.1. Tỷ trọng các ngành kinh tế của huyện giai đoạn 2009 - 2012

Ta nhận thấy rằng, trong vòng 4 năm qua cơ cấu về tỷ trọng của các ngành kinh tế ở huyện Tuyên Hóa không có sự chênh lệch đáng kể nào. Tính đến năm 2012, tỷ trọng của ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ thấp nhất là 12.08%, trong khi đó ngành công nghiệp – xây dựng lại chiếm tỷ trọng khá lớn với giá trị 65.92%, còn thương mại dịch vụ cũng chỉ 22%.

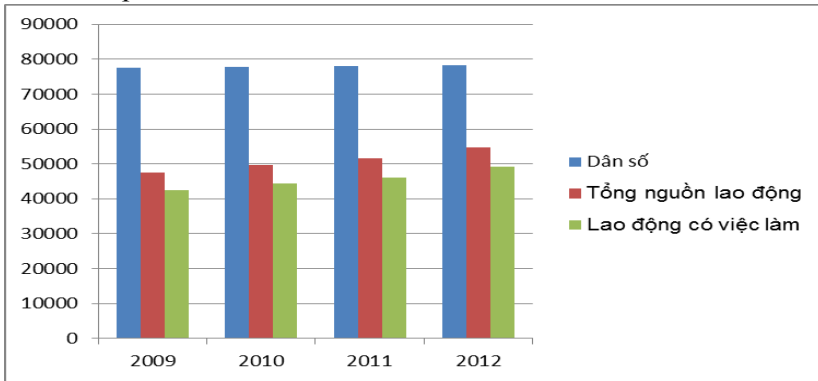
Nhìn vào bảng 2.4 ta thấy, cơ cấu kinh tế tuy chuyển dịch chậm nhưng theo hướng tích cực. Tỷ trọng GTSX nông-lâm-ngư nghiệp trong nền kinh tế đã giảm từ 59,45% năm 2009 còn 50,75% năm 2012 (giảm 8,7%). Trong khi các ngành phi nông nghiệp tăng: CN-XD từ 18,49% năm 2009 lên 33,81% năm 2012 và Dịch vụ giảm từ 22,06% năm 2009 lên 15,44% năm 2012.

Phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, tăng trưởng cao, hiệu quả và ổn định. Đến năm 2012 GDP bình quân đầu người tăng gấp 1,5 lần năm 2009.

2.1.3. Đặc điểm khoa học - công nghệ và nhân lực

- *Khoa học - Công nghệ*: Đã được áp dụng nhiều vào trong nông nghiệp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra giá trị lớn để cải thiện đời sống người dân làm nông nghiệp.

- *Nhân lực*: Theo Niên giám Thống kê (NGTK) của huyện Tuyên Hóa, dân số trung bình năm 2012 là 78.256 người, chiếm 9,15%, xếp thứ 6 so với toàn tỉnh.



(Theo số liệu của Chi cục Thống kê huyện)

Hình 2.2. Bố trí lao động trong huyện giai đoạn 2009 - 2012

2.1.4. Đặc điểm về quản lý - tổ chức và quốc tế

- Tuyên Hóa là huyện phát triển nông nghiệp không cao nên được các cấp chính quyền và lãnh đạo trong tỉnh thường xuyên quan tâm và có nhiều chính sách ưu đãi. Chính vì thế dù cơ cấu chuyển dịch kinh tế về nông nghiệp đang thấp về tỷ trọng so với công nghiệp và dịch vụ, nhưng các định hướng của lãnh đạo huyện vẫn nhằm gia tăng năng suất trong nông nghiệp, đặc biệt với thế mạnh là chăn nuôi và trồng trọt.

Trình độ quản lý sản xuất trong nông nghiệp của huyện chủ yếu tập trung vào mô hình Hợp tác xã (HTX) tiên tiến, đa số kinh

doanh đa dịch vụ đa ngành, đa lĩnh vực là hoạt động mà nhiều HTX sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Tuyên Hóa đang hướng tới.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN TUYÊN HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2009-2012

2.2.1. Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp về mặt kinh tế

- *Tình hình tăng trưởng:*

Bảng 2.5: Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2009-2012

ĐVT: Tỷ đồng

Ngành	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<i>Nông nghiệp</i>	300.85	100	356.71	100	369.18	100	365.83	100
<i>Trong đó</i>								
+ <i>Trồng trọt</i>	196.43	65.29	219.45	61.52	226.36	61.31	209.340	57.22
+ <i>Chăn nuôi</i>	103.96	34.56	136.58	38.29	141.68	38.38	155.280	42.45
+ <i>Dịch vụ NN</i>	0.46	0.15	0.68	0.19	1.14	0.31	1.21	0.33

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Tuyên Hóa.

- *Tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp:*

2.2.2. Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp về mặt xã hội

Bảng 2.7 : Một số chỉ tiêu xã hội huyện Tuyên Hóa giai đoạn 2009-2012

ĐVT: người.

Một số chỉ tiêu xã hội	2009	2010 (CM)	2011 (CM)	2012 (CM)
1- Dân số	77427	77700	78078	78256
2- Tổng nguồn lao động	47420	49685	51522	54725
3- Lao động có việc làm	42351	44417	46159	49088
4- Tỷ lệ lao động thất nghiệp (%)	10.69	10.60	10.4	10.3
5- Hộ nghèo (hộ)	3528	9241	7749	6620
6- Tỷ lệ hộ nghèo (%)	8.3	21.74	17.92	15.22
7- Tỷ lệ tốt nghiệp phổ thông (%)	97	98	98.8	99.2
8- GDP bình quân đầu người (triệu/người/năm)	7.5	9.3	11.6	12.7
9- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng (%)	24.2	22	20.5	18.7
10- Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	28	12	14	17
11- Tỷ lệ gia đình văn hóa (%)	70.0	60.9	67.2	70.0

Nguồn: Phòng lao động, TB&XH huyện Tuyên Hóa.

Toàn huyện có 78256 người (số liệu thống kê 31/12/2012), dân số tăng qua các năm. Trong đó, nguồn lao động của huyện tăng dần qua hàng năm, tỷ lệ thất nghiệp cũng giảm dần nhưng chỉ rất ít. Việc giải quyết việc làm cho nguồn lao động ở địa phương vẫn chưa được thực hiện tốt, dù giảm nhưng tỷ lệ còn khá cao, một số chính sách thu hút việc làm và lao động còn hạn chế.

Các vấn đề xã hội khác: Một số tiêu chí khác của xã hội cũng được cải thiện đáng kể như y tế, văn hóa... tạo ra sự tăng trưởng, phát triển hài hòa và kết hợp hợp lý với nhau. Đó là mục tiêu vừa trước mắt vừa lâu dài, tạo động lực phát triển kinh tế, tạo mặt bằng phát triển xã hội đồng đều.

Việc làm: Nông nghiệp là ngành cần nhiều lao động nhưng lao động nông nghiệp có xu hướng giảm do một số lao động nông nghiệp chuyển sang các ngành nghề khác có thu nhập cao, hoặc do trình độ cơ giới hóa nông nghiệp diễn ra mạnh ở nhiều khâu sản xuất, hoặc do giá sản phẩm nông nghiệp lên xuống thất thường, lúc được mùa thì rớt giá... ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân, gây tâm lý không yên tâm sản xuất

- *Về thu nhập của người lao động:* Nhìn vào bảng 2.9 ta thấy thu nhập bình quân đầu người qua các năm đều tăng lên cả thành thị và nông thôn, và theo đó mức chi tiêu của người dân cũng tăng. Chi tiêu ít hơn thu nhập nên có một phần tích lũy nhưng vẫn còn ở mức thấp so với các huyện đồng bằng khác như: Bồ Trách, Quảng Trách... thấp hơn mức bình quân toàn tỉnh. Năm 2012, mức thu nhập bình quân 1 nhân khẩu của tỉnh Quảng Bình là 13.5 triệu đồng, trong khi Tuyên Hóa chỉ ở mức khiêm tốn là 10.49 triệu đồng.

Bảng 2.9 : Thu nhập và chi tiêu bình quân hàng năm của 1 nhân khẩu

ĐVT : 1000 đồng

Năm	Bình quân toàn		Thành thị		Nông thôn	
	Thu nhập	Chi tiêu	Thu nhập	Chi tiêu	Thu nhập	Chi tiêu
2009	3.192	2.690	5.040	4.320	3.000	2.520
2010	5.640	5.177	7.920	6.480	5.400	5.040
2011	8.062	6.285	10.560	9.000	7.800	6.000
2012	10.490	10.320	13.540	12.860	10.159	9.580

Nguồn: niên giám thống kê huyện Tuyên Hóa.

2.2.3. Thực trạng phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN TUYỀN HÓA.

2.3.1. Những thành công đạt được

- *Về kinh tế*

Kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện Tuyên Hóa có bước tăng trưởng lớn và khá vững chắc. Giá trị đóng góp của ngành nông nghiệp trong tổng giá trị GDP toàn huyện trên 20%, Tỷ trọng đóng góp tuy giảm những tổng giá trị tuyệt đối vẫn tăng đều qua các năm.

- *Về xã hội*

Giải quyết công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn của huyện trên tất cả các lĩnh vực, cơ sở vật chất, hệ thống giao thông được nhựa hóa - bê tông hóa (tỷ lệ đường giao thông liên xã, thôn, xóm và kiệt hẻm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt trên 83%), tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 99,7%.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở (THCS) được tiếp tục học Trung học đạt 95,4%, các trạm y tế xã trên địa bàn huyện đều đạt chuẩn, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh ngày càng tăng.

- *Về môi trường*

Môi trường sinh thái cũng được bảo vệ, trên địa bàn huyện có 2 lâm trường là Tuyên Hóa và Cao Quảng, lập ra Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Lâm tạo ra sự hài hòa cho môi trường sống và bảo vệ rừng chặt chẽ.

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế

Về *kinh tế*: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm. Kết cấu hạ tầng chưa được đầu tư nhiều, hệ thống giao thông thủy lợi xuống cấp chưa được quan tâm đầu tư sửa chữa.

Về *xã hội*: Tỷ lệ thất nghiệp còn cao, thu nhập bình quân đầu người tuy có tăng nhưng còn chậm; y tế, giáo dục, văn hóa đều đảm bảo song chất lượng chưa cao.

Về *môi trường*: Ô nhiễm nguồn nước, không khí đang diễn ra và chưa có hướng khắc phục mang tính hiệu quả và bền vững.

2.3.3. Nguyên nhân tồn tại

- Chưa coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, giải quyết hài hòa giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng.

- Dù có quan tâm nhưng cơ chế chính sách của huyện còn hạn chế, chưa đi sâu sát về với thực tiễn và lợi thế vốn có của địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP

HUYỆN TUYỂN HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1. QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN TUYỂN HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1.1. Quan điểm phát triển bền vững nông nghiệp trên địa bàn huyện Tuyên Hóa

Khai thác tiềm năng, lợi thế, mọi nguồn lực để xây dựng Tuyên Hóa thành một huyện Nông thôn mới theo đúng 19 tiêu chí Quốc gia của Thủ tướng Chính phủ tại quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009.

Phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuyên Hóa cần phát triển đồng bộ, liên kết với huyện Minh Hóa và các địa bàn lân cận, hình thành vùng kinh tế động lực trung tâm của tỉnh.

Phát triển nông nghiệp phải mang lại hiệu quả kinh tế, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững, chỉ có như vậy mới kích thích và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển đi lên, theo hướng có lợi.

3.1.2. Phương hướng phát triển bền vững nông nghiệp trên địa bàn huyện Tuyên Hóa

Huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, nhanh chóng đưa huyện trở thành huyện phát triển mạnh vào năm 2020.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới. Điều chỉnh sản xuất, gắn sản xuất với chế biến nông sản và tìm kiếm thị trường tiêu thụ.

Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao trình độ nghề nghiệp cho nguồn nhân lực của huyện, đặc biệt là cho lực lượng thanh niên ở vùng sâu, vùng xa. Tạo bước chuyển biến rõ rệt về chất lượng trong sự nghiệp phát triển y tế. Đồng bộ hoá cơ sở thiết bị cho bệnh viện huyện.

Khai thác tối đa những điều kiện về phát triển về phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp với nguồn nhân lực tối thiểu, tạo dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, giải quyết tốt vấn đề tam nông, từng bước nâng cao thu nhập và mức sống cho người nông dân.

Lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi phù hợp, sản phẩm nông nghiệp sản xuất ra được thị trường ưa chuộng, tiêu mạnh và ổn định trong thời gian dài, giá cả cao và mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt so với nhiều chủng loại sản phẩm cùng loại.

3.1.3. Mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp trên địa bàn huyện Tuyên Hóa

- Mục tiêu tổng quát:

Huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực; nhanh chóng đưa huyện thoát khỏi tình trạng nghèo, trở thành huyện phát triển khá vào năm 2020.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Về kinh tế:

+ Về xã hội:

+ Về môi trường:

+ Về an ninh - quốc phòng:

3.2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP HUYỆN TUYÊN HÓA TỈNH QUẢNG BÌNH

3.2.1. Nhóm giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp về kinh tế

- Tổ chức lập quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng đô thị:

+ *Sự cần thiết tổ chức lập quy hoạch:*

+ *Nội dung quy hoạch:*

- Thu hút vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp

Vốn là một trong những nguyên nhân quan trọng trong phát triển nông nghiệp.

Nông nghiệp cũng không phải lĩnh vực hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. “Rủi ro tiềm ẩn và thiếu tính hấp dẫn trong hoạt động kinh doanh được xem là lực cản lớn nhất trong việc thu hút vốn đầu tư vào nông nghiệp”.

Ngoài ra, còn một nguyên nhân khác là cơ sở hạ tầng ở khu vực nông thôn còn nhiều hạn chế, gây cản trở cho hoạt động thu hút vốn. Do vậy cần xác định vốn cho phát triển nông nghiệp cần được thu hút từ nguồn vốn đầu tư của nhà nước, của các tổ chức tín dụng nhà nước và của chính các hộ cá thể nông nghiệp là chủ yếu.

+ *Vốn ngân sách:*

+ *Vốn tín dụng:*

+ *Vốn nhân dân và nguồn vốn khác:*

- Chính sách đất đai và sử dụng đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên:

+ Lập kế hoạch sử dụng đất đến năm 2015 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất đến năm 2020: Trong kế hoạch trung hạn cần thiết phải xây dựng kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở điều tra, quy hoạch, nghiên cứu tất cả các yếu tố liên quan đến từng loại đất, từng khu vực để có kế hoạch sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

+ Quan tâm đến công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản, các loại vật liệu sẵn có tại địa phương hiện đang khai thác như cát, sạn, đá, đất sét.

- Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp, nông thôn:

+ Đầu tư xây dựng đô thị Đồng Lê, có kế hoạch xây dựng các đô thị mới: Thị trấn Thanh Thủy, Tân Ấp; các khu thị tứ: Minh Cầm, Ngọc Lâm, Kim Lũ, Bắc Sơn.

+ Đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi, điện lưới, giáo dục, y tế, các công trình phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai... Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình CNH - HĐH nông nghiệp - nông thôn.

+ Nhằm đảm bảo đầy đủ hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển nguồn nhân lực:

+ Nguồn nhân lực của địa phương cần hội đủ 2 yếu tố là số lượng và chất lượng nguồn nhân lực; trong đó đặc biệt coi trọng đến yếu tố chất lượng lao động

+ Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu các ngành công nghiệp, du lịch, dịch vụ

- Bố trí lại sản xuất và định hướng mô hình phát triển:

+ Mạnh dạn thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và định hướng của thị trường tiêu thụ; tổ chức lại các hình thức sản xuất phù hợp; tăng đầu tư vốn, lao động, kỹ thuật để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi và hết sức chú trọng đến công tác phòng trừ dịch bệnh. .

Nghiên cứu tính ổn định trong sản xuất nông nghiệp từng giai đoạn, người ta nhận thấy rằng để đảm bảo tính bền vững trong phát triển nông nghiệp đòi hỏi phải làm tốt công tác quy hoạch, định hướng sản xuất, chính sách hỗ trợ và tạo thị trường đầu ra cho sản phẩm.

- Cần gắn phát triển nông nghiệp với vấn đề nông dân, nông thôn và môi trường sinh thái:

+ Kết hợp với chương trình nông thôn mới của Chính phủ, mà tỉnh đã chọn Tuyên Hóa làm huyện làm điểm nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, tránh việc tiêu thụ sản phẩm chưa qua chế biến, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa nông nghiệp có sức cạnh tranh trên thị trường, nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao, thực hiện quy trình các

bước từ khâu sản xuất đến khâu chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp trước khi tiêu thụ.

- Đổi mới và hoàn thiện công tác quy hoạch nhằm khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của huyện, đảm bảo cho nền nông nghiệp phát triển bền vững, gia tăng tổng sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng con vật nuôi, tổ chức lại các hình thức sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Định hướng một số vùng chuyên canh cụ thể.

3.2.2. Nhóm giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp về xã hội

- Đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho người làm nông nghiệp và chuyển giao kỹ thuật mới cho nông dân.

- Bố trí hợp lý lực lượng lao động nông nghiệp phù hợp để sử dụng lao động hiệu quả, tránh tình trạng dôi thừa, cân đối lại lao động trong nội bộ ngành nông nghiệp.

- Tích cực tạo ra nhiều việc làm mới bằng cách phát triển thêm một số ngành nghề sản xuất, ngành nghề phụ trợ, phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề để giải quyết được lao động dôi dư, vừa giải quyết được công việc cho người sản xuất nông nghiệp lúc nông nhàn, tăng thu nhập.

- + Chính sách khuyến khích hỗ trợ đào tạo và việc làm: Khuyến khích người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ bằng cách tạo điều kiện sắp xếp vị trí, việc làm phù hợp sau khi đào tạo, bằng chế độ tiền lương, tiền thưởng đãi ngộ hợp lý, cung cấp các thông tin về việc làm và thị trường lao động ở địa phương, phối hợp với huyện Tuyên Hóa để mở rộng mạng lưới thông tin tư vấn về việc làm, tìm kiếm phát triển thị trường lao động ra bên ngoài, kể cả xuất khẩu lao động.

3.2.3. Nhóm giải pháp phát triển bền vững nông nghiệp về môi trường

- Khai thác hợp lý hiệu quả nguồn tài nguyên đảm bảo tính kế thừa cho thế hệ tương lai gắn với bảo vệ nguồn nước, không khí nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững và bảo vệ môi trường.

- Quan tâm chăm sóc, bảo vệ nguồn tài nguyên đất, nước, không khí...không bị cạn kiệt khi con người khai thác, sử dụng; đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư trên lĩnh vực môi trường có cơ hội tham gia đầu tư vào lĩnh vực nhằm tăng khả năng làm màu mỡ đất, tránh ô nhiễm môi trường để có điều kiện tái sản xuất mở rộng. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, trong điều kiện đang triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới ở Tuyên Hóa.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng, làm cho mọi người hiểu rõ và có ý thức cao trong công tác bảo vệ môi trường sản xuất nông nghiệp cũng như môi trường sống của con người.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

1. Kiến nghị

a. Chính sách Nhà nước

Chính phủ cần có chính sách quốc gia quy định rõ việc chấp hành nghiêm túc công tác quy hoạch, công tác quản lý, khai thác và sử dụng đất một cách có hiệu quả; tránh tình trạng sử dụng đất tùy tiện, sai mục đích, hiệu quả kinh tế thấp.

b. Bộ Nông nghiệp & phát triển Nông thôn

Bộ cần có chương trình quốc gia về phát triển nông nghiệp bền vững; trong đó có định hướng quy hoạch vùng, miền và chính sách ưu đãi phù hợp cho từng địa phương; tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, tự phát, thiếu tính thống nhất, nhất là việc tự ý chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi khi giá cả thị trường thay đổi; không chấp hành định hướng quy hoạch phát triển của từng địa phương, khu vực.

c. Tỉnh Quảng Bình và huyện Tuyên Hóa

Tỉnh và các sở, ngành tỉnh Quảng Bình cần tạo mọi điều kiện thuận lợi về đầu tư kỹ thuật và chuyển giao công nghệ cho sản xuất nông nghiệp, xem đây là chiến lược lâu dài cho chính sách an ninh lương thực và phát triển bền vững của quốc gia, của tỉnh và huyện; đồng thời tỉnh cần có hướng ưu tiên cho huyện Tuyên Hóa về việc đào tạo đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ làm công tác quản lý, hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Kết luận

Tình hình nông nghiệp của huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình đã đạt được một số thành tựu nhất định. Tuy vậy, vẫn còn vấp

phải không ít khó khăn và tồn tại. Đó là vì có một số yếu tố kìm hãm sự phát triển như vốn đầu tư còn ít, trình độ lao động còn hạn chế, ảnh hưởng của thiên tai, lạm phát, khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất còn chậm... Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm nông nghiệp huyện chưa cao, năng suất lao động thực tế vẫn còn thấp, thị trường đầu ra còn bị thu hẹp, chính sách quản lý và định hướng phát triển của chính quyền địa phương chưa đồng bộ... đã tác động đến sự phát triển của ngành và định hướng phát triển bền vững nông nghiệp của huyện. Vì vậy trong tương lai, để có thể phát triển bền vững nông nghiệp của huyện cần có được sự quan tâm, xây dựng hệ thống chính sách và định hướng phát triển một cách đồng bộ, hiệu quả của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương các cấp. Đồng thời, cần có sự tham gia tích cực hơn nữa của người dân địa phương để phát huy tối đa những kết quả đã đạt được và khắc phục những khó khăn gặp phải nhằm nâng cao giá trị, chất lượng nông nghiệp, phát triển bền vững nông nghiệp huyện phù hợp với định hướng phát triển chung của toàn Tuyên Hóa trong tương lai.